TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31/7/2026
V/v tranh chấp:"Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhan .

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Dung, ông Đinh Ngọc Phú.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Phương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đinh Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2026, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng và điểm cầu thành phần tại Nhà văn hóa Tổ dân phố T (Địa chỉ: Số C N, phường L, thành phố Hải Phòng) xét xử công khai theo hình thức trực tuyến vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 624/2026/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2026 về tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim L**, sinh ngày 10/8/1961; ĐKHKTT: Số G phố G, phường T, thành phố Hải Phòng. Hiện cư trú: Khu T, phường A, thành phố Hải Phòng. CCCD số 030161008279. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Mạc Đức D**, sinh ngày 03/02/1960. ĐKHKTT: Số G phố G, phường T, thành phố Hải Phòng. Hiện cư trú: Khu T, phường A, thành phố Hải Phòng. CCCD số 030060007981. Vắng mặt.

***** Thành phần tham gia phiên tòa tại điểm cầu thành phần:

+ Ông Nguyễn Quang D1 - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim L trình bày: Bà với ông Mạc Đức D kết hôn ngày 20/01/1983.

Trước khi kết hôn ông bà được tự do tìm hiểu nhau một thời gian thì cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N (cũ). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm sống về mọi mặt. Ông D hay rượu chè, mỗi lần say đều phá phách, chửi bới có lần phải gọi Công an đến can thiệp. Vì thương các con bà đã tha thứ cho ông D nhiều lần nhưng ông D cũng không thay đổi. Sau đó bà đi xuất khẩu lao động để phát triển kinh tế gia đình và tránh việc xung đột, mâu thuẫn với ông D. Đến năm 2026 bà về nước. Trong thời gian 17 năm bà ở bên nước ngoài, vợ chồng xa cách nhưng khi bà về nước, tình cảm vợ chồng cũng không cải thiện được. Đến nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng với ông D không còn nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông D; Vợ chồng có 02 con chung là Mạc Đức Q, sinh ngày 01/5/1985 và Mạc Đức L1, sinh ngày 05/6/1989. Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và công sức đóng góp cho gia đình hai bên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị đơn ông Mạc Đức D trình bày: Bà L đi nước ngoài 17 năm sau khi về nước bà L xin ly hôn vì lý do ông uống rượu gây mấy đoàn kết, ông chỉ chấp nhận ly thân, không đồng ý ly hôn. Các con đã trưởng thành nên không đề nghị Tòa án giải quyết; Ông chưa có tài liệu về tài sản chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Bà L tự xin ly hôn, ông xin vắng mặt tại phiên tòa, không tham gia buổi làm việc nào hết.

Tại biên bản lấy lời khai bà Lê Thị Hồng P trình bày: Bà là em gái bà L. Ông D bà L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông D hay uống rượu, mỗi lần say đều phá phách, chửi bới. Hiện ông D, bà L đang ở nhờ nhà bà, vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn bất đồng. Nay bà L xin ly hôn, đề nghị giải quyết theo quy định. Các con của ông D bà L đều đã trưởng thành. Ông bà có tài sản gì chung, nợ chung không bà không nắm được.

Tại phiên tòa: Bà L vẫn giữ nguyên quan điểm, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên giữ nguyên quan điểm đề nghị giải quyết cho bà được ly hôn ông D. Về con chung, tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp bà không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của toà án. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L, xử cho bà L ly hôn ông Mạc Đức D; Về con chung đã trưởng thành không phải giải quyết. Về tài sản chung, công sức, nợ: không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Bà L là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông D đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường T, hiện đang sinh sống tại phường A, thành phố Hải Phòng. Do vậy vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông D có quan điểm xin xét xử vắng mặt. Do vậy Tòa án xét xử vắng ông D theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà L, ông D được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo quy định. Do vậy, quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Lời khai bà L, ông D và người làm chứng thể hiện quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có sự tin tưởng, yêu thương, chăm sóc nhau. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, kiên quyết xin ly hôn ông D. Ông D không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra các giải pháp để cải thiện tình trạng vợ chồng. Tòa án tổ chức phiên hòa giải tuy nhiên ông D bỏ về không tham gia hòa giải. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân của bà L, ông D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho bà L ly hôn ông D là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Mạc Đức Q, sinh ngày 01/5/1985 và Mạc Đức L1, sinh ngày 05/6/1989. Các con đã trưởng thành, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Bà L, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà L xin ly hôn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại điểm a mục 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên bà L là người cao tuổi có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị Kim L ly hôn ông Mạc Đức D.

2. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho bà Lê Thị Kim L.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Kim L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Mạc Đức D vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 8 – Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 – Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Hợp Tiến, TP Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhan